

trạng và các biện pháp có thể áp dụng để nâng cao năng lực này cho HS. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, việc kết hợp linh hoạt và hiệu quả các biện pháp như nhận thức từ và giải nghĩa bằng trực quan, vận dụng từ vào ngữ cảnh, khám phá từ theo tình huống, tương tác và trò chơi học tập có thể mang lại những kết quả tích cực trong việc mở rộng vốn từ và phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả tối ưu, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa GV, nhà trường, gia đình và xã hội. Đồng thời, cần tiếp tục nghiên cứu và đổi mới biện pháp dạy học, xây dựng tài liệu dạy học đa dạng và nâng cao năng lực cho GV. Hy vọng những kết quả và đề xuất trong bài viết sẽ góp phần vào việc nâng cao chất lượng dạy và học Tiếng Việt ở tiểu học, giúp HS phát triển toàn diện năng lực từ ngữ, từ đó tự tin hơn trong giao tiếp và học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Thị Ân (2015), Mở rộng vốn từ và dạy học nghĩa từ cho học sinh tiểu học,

Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, số tháng 6/2015.

2. Hoàng Hòa Bình (2013), Từ đổi mới mục tiêu giáo dục đến đổi mới biện pháp dạy học Ngữ văn, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia về dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm.

3. Đỗ Hữu Châu (1996), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia.

4. Lê Phương Nga (chủ biên, 2013), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

5. Đào Ngọc, Nguyễn Quang Ninh (2001), *Rèn kỹ năng sử dụng tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

6. Nguyễn Thiện Giáp (2002), *Từ vựng học tiếng Việt*, NXB Giáo dục.

7. Bùi Minh Toán (1999), *Từ trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt*, NXB Giáo dục.

8. Nguyễn Thị Hồng Vân (2013), Phát triển CT GDPT môn Ngữ văn theo hướng tiếp cận năng lực, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia về dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm.

thể tổ chức trò chơi cho HS như phòng học, sân trường....Tùy theo nội dung trò chơi mà GV chọn địa điểm chơi thích hợp. Về đồ chơi và phương tiện chơi phải có tác dụng gây hứng thú chơi cho HS. Đồ chơi không cần hiện đại nhưng nên đa dạng về vật liệu, phong phú về màu sắc, hình khối, đảm bảo về vệ sinh. GV nên sắp xếp các đồ chơi trong một khu vực riêng của lớp học có thể gọi là góc vui học tập. Điều kiện về xã hội cần phải thay đổi quan niệm coi nhẹ tác dụng của trò chơi trong học tập của HS. GV phải là người có năng lực sư phạm, lòng yêu nghề, yêu HS nắm rõ đặc điểm phát triển tâm lý của HS, hiểu được tác dụng và ý nghĩa của trò chơi học tập. GV phải đầu tư thời gian công sức để sưu tầm trò chơi, lập kế hoạch tổ chức trò chơi,... đồng thời phải được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng tổ chức trò chơi, được phổ biến các biện pháp tổ chức trò chơi.

Cách thức tổ chức trò chơi: Khi tổ chức trò chơi học tập, GV cần nắm vững nội dung chơi, luật chơi, có biện pháp hướng dẫn trò chơi. Khi tiến hành tổ chức trò chơi có thể tiến hành theo các giai đoạn sau:

Giai đoạn 1: Lựa chọn trò chơi

Giai đoạn 2: Chuẩn bị tổ chức trò chơi

Giai đoạn 3: Tổ chức trò chơi

Giai đoạn 4: Nhận xét đánh giá sau khi chơi

Giai đoạn 5: Rút ra bài học, nhấn mạnh các kiến thức

Như vậy, có thể thấy quy trình lựa chọn và tổ chức trò chơi trong dạy học Mở rộng vốn từ cho HS tiểu học thực hiện qua năm giai đoạn. Tuy nhiên đây là một quy trình mềm dẻo, linh hoạt, khi tổ chức trong thực tế các bước này có thể đan xen với nhau nhằm giúp HS đạt kết quả học tập cao nhất. Khi dạy “*Từ chỉ đồ vật trong lớp học*”, GV tiến hành trò chơi “*Chuyền bóng tìm từ*” giúp HS phát triển vốn từ, rèn kỹ năng tư duy nhanh, phản xạ ngôn ngữ, mở rộng khả năng sử dụng từ trong ngữ cảnh. GV đứng giữa lớp, cầm quả bóng và nói một chủ đề sau đó ném bóng cho một HS bất kỳ. HS này phải nói ngay một từ thuộc chủ đề đó như: “bảng”, “ghế”, “bút”... HS này tiếp tục ném bóng cho bạn khác. Bạn nhận bóng phải nói một từ khác không trùng với từ trước. Nếu một HS không trả lời được sau 5 giây hoặc nói trùng từ, em đó sẽ bị loại. Trò chơi tiếp tục đến khi tìm ra người cuối cùng còn lại - người chiến thắng.

3. KẾT LUẬN

Tóm lại, việc phát triển năng lực từ ngữ cho HS tiểu học là một nhiệm vụ quan trọng và đầy thách thức. Bài báo đã trình bày một cách tổng quan về thực

Phóng viên: “Bác sĩ cần những dụng cụ gì để làm việc?”

Nhân vật: “Tôi cần ông nghe, kim tiêm, thuốc”.

...

2.3.5. Biện pháp trò chơi học tập phát triển năng lực từ cho học sinh tiểu học

Việc sử dụng trò chơi học tập là rất cần thiết, tạo sự đa dạng hình thức dạy học, thay đổi không khí lớp học, GV cho HS nắm bắt nội dung bài học trong tâm thế thoải mái, tự giác cao. Qua vui chơi các em sẽ được rèn luyện trong những tình huống khác nhau buộc mình phải có sự lựa chọn hợp lý, tự mình phát hiện được những điểm mạnh, điểm yếu, khả năng hứng thú cũng như nhược điểm của bản thân. Tổ chức trò chơi khoa học, hợp lý giúp HS phát triển về mặt thể chất một cách tự nhiên, rèn tính nhanh nhẹn, hoạt bát, tự tin trước đám đông. Đặc biệt sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thao tác vận động và sự phát triển tư duy, khả năng điều khiển của thần kinh trung ương sẽ càng phát triển chuẩn xác. Ngoài ra, trò chơi học tập còn rèn cho HS rất nhiều kỹ năng sống, kỹ năng tổ chức, kỹ năng giao tiếp, ứng xử, hợp tác,... Trò chơi học tập giúp HS lĩnh hội tri thức và các kỹ năng. Trò chơi học tập có sự tự nguyện và bình đẳng giữa các

HS. Mọi HS đều có vị trí, nhiệm vụ như nhau khi tham gia trò chơi. Trò chơi học tập góp phần tạo không khí hào hứng, thúc đẩy tính tích cực hoạt động sáng tạo, giờ học diễn ra nhẹ nhàng, hấp dẫn.

Trong quá trình dạy học, các nhà sư phạm nhận thấy rằng nếu biết kết hợp học và vui chơi một cách hợp lý sẽ tạo được hiệu quả học tập cao mà không gây ra sự căng thẳng, mệt mỏi, nhàm chán cho HS, đặc biệt là đối với lứa tuổi tiểu học. Biện pháp trò chơi học tập là biện pháp dạy học trong đó GV truyền đạt tri thức, kỹ năng, kỹ xảo cần thiết cho HS thông qua việc xây dựng và tổ chức các trò chơi học tập mỗi tiết học mở rộng vốn từ sẽ vô cùng sinh động, HS sẽ phát huy hết khả năng học tập. Việc đưa trò chơi vào giờ học mở rộng vốn từ sẽ tạo một bầu không khí học tập tự nhiên, thoải mái, HS không cảm thấy e ngại trước GV và các bạn. Như vậy, vận dụng trò chơi học tập trong dạy học, không chỉ giúp HS thư giãn mà còn giúp các em rèn luyện năng lực giao tiếp một cách tự nhiên tạo được bầu không khí vui vẻ, đoàn kết, thân ái... Mục đích tổ chức trò chơi học tập tạo sự hứng thú chơi của HS, phát huy tính tích cực, độc lập, sáng tạo, nâng cao tinh thần, thái độ của HS trong quá trình học tập.

Điều kiện tổ chức trò chơi: Về cơ sở vật chất phải có địa điểm là những nơi có

một cách hiệu quả mà còn tạo môi trường học tập tích cực, năng động. Trong quá trình dạy học, GV cần tạo điều kiện cho HS có nhu cầu trao đổi hiểu biết của mình cho người khác và lĩnh hội những hiểu biết của người khác. Nhiều GV hiện nay chưa có những biện pháp dạy học phù hợp, gây hứng thú cho HS trong việc phát triển vốn từ. Nếu trong một tiết học GV chỉ đưa ra những từ ngữ, khái niệm khô khan, trừu tượng thì sẽ tạo cho HS cảm giác nhàm chán, không muốn học. Tương tác trong quá trình dạy học là việc làm cần thiết giúp các em tiếp thu kiến thức, vận dụng những kiến thức lĩnh hội được vào các tình huống học tập cũng như giao tiếp. HS tiểu học thường có nhu cầu trao đổi, chia sẻ kiến thức với mọi người vì vậy tương tác giúp HS tiếp thu kiến thức một cách sâu sắc và bền vững hơn. Khả năng tương tác giữa GV và HS được sử dụng linh hoạt và kết hợp một cách nhuần nhuyễn, khéo léo trong các bài học mới cũng như trong quá trình vận dụng vào bài tập hay thực tiễn giúp HS mở rộng vốn hiểu từ, biết sử dụng vốn từ của mình một cách hợp lý và có hiệu quả. Chính khả năng tương tác nhiều chiều giữa GV và HS, giữa HS và HS làm cho những kiến thức được hình thành sẽ trở nên sâu sắc, toàn diện và bền vững hơn, quan hệ giữa GV và HS trở nên khăng

khít hơn. HS thực hành giao tiếp trong các tình huống cụ thể, rèn luyện tư duy phân biện, khả năng phân tích, tổng hợp, tăng hứng thú học tập, HS cảm thấy hứng thú hơn khi được tham gia vào các hoạt động học tập tích cực.

Cách thức thực hiện: GV tạo ra các tình huống, hoạt động để khuyến khích HS tương tác với nhau và với GV. GV tạo không khí thoải mái, thân thiện để HS tự tin chia sẻ ý kiến, khuyến khích HS đặt câu hỏi, đưa ra nhận xét, tranh luận. Sử dụng linh hoạt các hình thức tương tác: Tương tác giữa GV và HS, giữa HS với nhau, giữa HS với tài liệu học tập. Khi dạy chủ điểm “*nghề nghiệp*”, GV chia lớp thành các cặp HS, mỗi cặp đóng vai phóng viên và nhân vật cần phỏng vấn (VD: phóng viên phỏng vấn bác nông dân, bác sĩ, giáo viên...). GV đưa ra chủ đề nghề nghiệp, HS trong vai phóng viên đặt câu hỏi cho bạn mình về chủ đề đó. HS được phỏng vấn phải trả lời đúng trọng tâm, có sử dụng từ mới phù hợp. Sau mỗi lượt phỏng vấn, HS đổi vai cho nhau. Cuối hoạt động, GV tổng kết, bổ sung từ mới và giúp HS nhận xét cách dùng từ. Ví dụ:

Phóng viên: “Bác làm nghề gì?”

Nhân vật (bác sĩ): “Tôi là bác sĩ, tôi chữa bệnh cho mọi người.”

trên cơ sở của phương pháp dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề. Thông qua các tình huống, HS được cung cấp thêm vốn từ, xây dựng tình huống, tạo ra tình huống có chứa đựng vấn đề, có nguyện vọng giải quyết vấn đề và giải quyết được vấn đề đó bằng sự cố gắng trí lực, nhờ đó nâng cao trình độ kiến thức, kỹ năng và tư duy. Thông qua tình huống mà GV đặt ra, HS được cung cấp, mở rộng vốn từ, nắm được các kiến thức của bài học, biết liên hệ vận dụng bài học vào thực tế, tìm tòi, khám phá sâu hơn về bài học. HS hình thành kiến thức, kỹ năng tư duy về từ, dần hình thành và phát triển được năng lực từ nói riêng, năng lực ngôn ngữ nói chung, giúp các em thuận lợi trong hoạt động giao tiếp và cuộc sống hàng ngày, HS cảm thấy hứng thú hơn khi được tham gia vào các hoạt động học tập mang tính thực tiễn.

Cách thức thực hiện: Xây dựng tình huống có thể là giả định hoặc thực tế có chứa đựng vấn đề cần giải quyết, phù hợp với trình độ nhận thức của HS. GV đưa ra tình huống và hướng dẫn HS phân tích. HS thảo luận, trao đổi để tìm ra cách giải quyết. GV hỗ trợ, định hướng khi cần thiết. HS đưa ra các giải pháp và lựa chọn giải pháp tối ưu. GV tổng kết, đánh giá và rút ra kết luận. Khi dạy từ “*Dũng cảm*”, GV xây dựng tình

huống - kể một câu chuyện ngắn có chứa từ cần khám phá: “*Một hôm, trên đường đi học về, Minh nhìn thấy một em bé bị ngã xuống mương nước. Không chần chừ, Minh liền chạy tới, nhảy xuống mương và giúp em bé lên bờ an toàn. Mọi người xung quanh rất cảm phục và khen ngợi Minh.*”

GV đặt câu hỏi cho HS: Em thấy hành động của Minh như thế nào? Nếu em là Minh, em có dám làm như vậy không? Vì sao? Theo em, từ nào có thể diễn tả tính cách của Minh? → HS suy nghĩ và đưa ra từ khóa “*Dũng cảm*”.

GV hướng dẫn khám phá nghĩa của từ: “*Dũng cảm*” có nghĩa là gì? HS suy nghĩ, GV gợi ý: “*Dũng cảm* là khi một người không sợ hãi, dám đối mặt với khó khăn để giúp đỡ người khác hoặc làm điều đúng.” GV cung cấp từ đồng nghĩa *gan dạ, can đảm, mạnh mẽ* hoặc từ trái nghĩa *nhút nhát, hèn nhát*. GV yêu cầu HS đặt câu với từ “*dũng cảm*”: “Bạn Nam rất *dũng cảm*, bạn ấy đã giúp cụ già qua đường khi trời mưa.”...

2.3.4. Biện pháp tương tác giúp phát triển năng lực từ của học sinh

Tương tác giữa GV và HS là một yếu tố quan trọng trong quá trình dạy học, đặc biệt là trong việc phát triển năng lực từ ngữ cho HS tiểu học. Tương tác không chỉ giúp HS tiếp thu kiến thức

vững và khả năng kết hợp ngữ pháp của mình. Khả năng kết hợp ngữ pháp của từ là khả năng nó có thể đứng vào một vị trí nhất định trong những cấu trúc nhất định nào đó. Nói khác đi, đó là khả năng từ có thể tham gia vào những cấu trúc ngữ pháp nào đó. Còn khả năng kết hợp từ vững của từ lại là khả năng kết hợp giữa một nghĩa của từ này với một nghĩa của từ khác, sao cho tổ hợp được tạo thành phải đúng với thực tại, phù hợp với logic và thói quen sử dụng ngôn ngữ của người bản ngữ. Ngữ cảnh giúp HS hiểu rõ nghĩa của từ, đặc biệt là các từ đa nghĩa, nắm bắt đặc điểm của từ. Thông qua ngữ cảnh, HS nhận biết được khả năng kết hợp từ vững và ngữ pháp của từ, phát triển tư duy, khả năng suy luận, vận dụng từ linh hoạt, phù hợp với từng ngữ cảnh giao tiếp.

Cách thức thực hiện: Lựa chọn ngữ cảnh phù hợp với từ ngữ cần giải nghĩa, đảm bảo ngữ cảnh đó thể hiện rõ nghĩa của từ. Hướng dẫn HS dựa vào ngữ cảnh, phân tích, giải thích nghĩa của từ một cách rõ ràng, dễ hiểu. Tổ chức các hoạt động để HS luyện tập sử dụng từ ngữ trong các ngữ cảnh khác nhau. GV đưa ra từ mới: “*hiếu thảo*” yêu cầu suy đoán nghĩa của từ qua ngữ cảnh: “Nam rất *hiếu thảo*, cậu ấy luôn quan tâm chăm sóc bố mẹ.” HS thảo luận và

đưa ra suy đoán về ý nghĩa của từ “*hiếu thảo*”. GV giúp HS hiểu “*Hiếu thảo*” có nghĩa là yêu thương, kính trọng và chăm sóc cha mẹ, thể hiện lòng biết ơn đối với công lao sinh thành, nuôi dưỡng. GV cho từ đồng nghĩa *hiếu nghĩa*, *hiếu kính* hoặc cho từ trái nghĩa *bất hiếu*. Sau đó, cho HS lấy ví dụ để hiểu rõ hơn: “Bạn Lan rất *hiếu thảo*, mỗi ngày đều giúp mẹ làm việc nhà.”...

2.3.3. Biện pháp dạy học khám phá từ trong tình huống cụ thể

Biện pháp dạy học khám phá từ trong tình huống là một biện pháp hiệu quả giúp HS phát triển năng lực từ ngữ thông qua việc giải quyết các tình huống cụ thể. Biện pháp này không chỉ giúp HS củng cố kiến thức đã học mà còn tạo cơ hội để các em trải nghiệm trong tình huống cụ thể, phát triển tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề. Để giúp HS phát triển năng lực từ, GV xây dựng tình huống và tổ chức cho HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống. Trong dạy học, những tình huống được đưa ra có thể là tình huống giả định hay tình huống thực đã xảy ra trong thực tiễn. HS giải quyết được những tình huống vừa củng cố và khắc sâu kiến thức, vừa có cơ hội trải nghiệm thực tiễn, phát triển năng lực từ. Có thể nói xây dựng tình huống phát triển năng lực từ của HS dựa

1. Nhìn tranh, tìm từ ngữ:

a. Chỉ sự vật:

– Chỉ người: *học sinh*,...

– Chỉ vật: *cặp sách*,...

b. Chỉ hoạt động: *đi học*,...



2.3.2. Biện pháp nhận thức từ, giải nghĩa từ và vận dụng từ vào ngữ cảnh

8 | TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG

Ưu điểm Sự quan tâm ngày càng tăng ở các trường học, GV và phụ huynh ngày càng nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của việc phát triển năng lực từ cho HS. Đa dạng các biện pháp: Nhiều biện pháp và hình thức dạy học đã được triển khai, từ các biện pháp truyền thống như giải nghĩa từ, đặt câu, đến các biện pháp hiện đại như sử dụng trò chơi, tình huống, tương tác. Nỗ lực trong việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa, hướng đến việc phát triển năng lực toàn diện cho HS, trong đó có năng lực từ ngữ.

Bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế: Một số biện pháp dạy học vẫn còn nặng về lý thuyết, ít chú trọng đến thực hành, vận dụng, chưa tạo được hứng thú cho HS. Việc phát triển năng lực từ cho HS chưa được thực hiện một cách hệ thống, đồng bộ, thiếu sự liên kết giữa các hoạt động. Nhiều trường học còn thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu dạy học phù hợp để hỗ trợ cho việc phát triển năng lực từ cho HS. Việc đánh giá năng lực từ của HS còn nặng về kiểm tra kiến thức, ít chú trọng đến đánh giá năng lực vận dụng, giao tiếp.

Từ thực trạng bài viết vận dụng các biện pháp dạy học tích cực, lấy HS làm trung tâm, tăng cường các hoạt động thực hành, vận dụng, giao tiếp và sử dụng đa dạng các hình thức dạy học như trò chơi, tình huống, dự án. Từ đó xây dựng môi

trường học tập phong phú, tạo không gian học tập mở, khuyến khích HS khám phá, tìm tòi. Sử dụng các nguồn tài liệu học tập đa dạng như sách, báo, truyện, tranh ảnh, video. Tăng cường sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc tạo môi trường học tập phong phú cho HS. Đánh giá năng lực từ của HS một cách toàn diện, kết hợp giữa định lượng và định tính, chú trọng đánh giá năng lực vận dụng, giao tiếp của HS.

2.3. Các biện pháp phát triển năng lực mở rộng vốn từ cho học sinh tiểu học

2.3.1. Biện pháp nhận thức từ và giải nghĩa bằng trực quan

Biện pháp trực quan là một công cụ quan trọng trong việc giúp HS tiểu học nhận thức và giải nghĩa từ ngữ. Sử dụng vật thật, tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu... để đại diện cho từ và nghĩa của từ, biện pháp này cho phép HS tiếp cận từ ngữ một cách trực tiếp và sinh động, làm tăng vốn từ cho HS được tiếp xúc với nhiều từ ngữ mới thông qua các hình ảnh trực quan. Trực quan giúp HS hiểu nghĩa từ dễ dàng hình dung được ý nghĩa của từ một cách cụ thể, sinh động. Phát triển tư duy phân tích, tìm mối liên hệ giữa sự vật và nghĩa từ giúp HS phát triển tư duy logic, khả năng quan sát, ghi nhớ lâu dài từ ngữ so với các định nghĩa trừu tượng.

Dạy học phát triển năng lực (PTNL) là hướng việc học tập của HS mở rộng ra bên ngoài sách vở, lí thuyết, tránh cho HS cách học thụ động và bị trói buộc vào sách giáo khoa và cách dạy, quan điểm áp đặt của GV từ đó mà bỏ được lối học tủ, thi tủ trước đây. Nhưng để có thể đổi mới được giáo dục theo hướng này thì có hai việc quan trọng phải thực hiện: Một là: cần nâng cao nhận thức của GV về vai trò và lợi ích của dạy học PTNL người học. Hai là: xây dựng lại chương trình đào tạo, chú trọng mục tiêu hình thành năng lực cho người học, phối hợp với đổi mới phương pháp dạy học. Mục tiêu của việc dạy học vốn từ không chỉ là giúp học sinh nắm bắt được số lượng từ vựng, mà còn là phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ một cách hiệu quả, chú trọng đến việc tạo ra các tình huống giao tiếp thực tế, khuyến khích học sinh sử dụng từ vựng một cách linh hoạt, sáng tạo (Nguyễn Thị Hồng Vân, 2013).

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 tại Việt Nam đặc biệt chú trọng phát triển năng lực ngôn ngữ với yêu cầu rèn luyện các kĩ năng: Ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học vốn từ, sử dụng các phần mềm, ứng dụng học tập, trò chơi trực tuyến để tạo sự hứng thú và tăng tính tương tác cho HS. Hướng dẫn HS cách tự học từ vựng, sử dụng từ điển, tra cứu

thông tin trên internet. Nền tảng cho sự phát triển vốn từ phong phú là chìa khóa để HS giao tiếp hiệu quả, tư duy phản biện, tiếp thu kiến thức và phát triển nhân cách toàn diện. “Vốn từ có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp, tư duy và nhận thức của HS” (Lê Phương Nga, 2013). Yêu cầu cấp thiết của xã hội hiện đại, trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự phát triển của công nghệ thông tin, HS cần có vốn từ ngữ đa dạng để đáp ứng nhu cầu giao tiếp, học tập và làm việc trong tương lai.

2.2. Thực trạng dạy học mở rộng vốn từ cho học sinh tiểu học

Nhiều HS tiểu học còn gặp khó khăn trong việc hiểu và sử dụng từ ngữ, đặc biệt là các từ trừu tượng, từ đa nghĩa, từ chuyên môn. Theo kết quả khảo sát của tác giả Hoàng Hòa Bình (2013), “Vốn từ của HS tiểu học còn nhiều hạn chế, đặc biệt là các từ ngữ liên quan đến các lĩnh vực khoa học, xã hội.” Biện pháp dạy học chưa hiệu quả: Một số biện pháp dạy học còn nặng về lý thuyết, ít chú trọng đến thực hành, vận dụng, chưa tạo được hứng thú cho HS. Thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa gia đình, nhà trường và xã hội chưa có sự phối hợp chặt chẽ trong việc tạo môi trường học tập phong phú, đa dạng để HS phát triển vốn từ.

proposes a number of specific measures in the article. The first is the awareness and visual explanation, which allows children to effortlessly acquire the meaning through images and real-world examples. The next is the perception, interpretation and word application in contexts, which will help learners grasp how to utilize words in communication settings. The study also emphasizes the pivotal role of inquiry-based learning methods in different circumstances, allowing students to actively explore and achieve knowledge. Teacher and student interaction is also considered as a significant factor in vocabulary development. Finally, it is claimed that using learning games is a good way to increase students' interest in learning. To attain the highest level of effectiveness, it is essential to diversify documents, innovate measures, and enhance teachers' competence. The article outlines some research-based and implemented strategies to promote students' vocabulary which can enhance their communication and learning competency.

Keywords: Measures, capacity, vocabulary expansion, primary school students.

1. MỞ ĐẦU

Năng lực từ ngữ đóng vai trò then chốt trong sự phát triển toàn diện của HS tiểu học, là nền tảng cho khả năng giao tiếp hiệu quả, tư duy phản biện và học tập suốt đời. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều HS vẫn gặp khó khăn trong việc nhận thức, giải nghĩa và vận dụng từ ngữ một cách linh hoạt, sáng tạo. Vấn đề này đặt ra yêu cầu cấp bách về việc đổi mới biện pháp dạy học, tìm kiếm các biện pháp hiệu quả để phát triển năng lực từ cho HS, giúp các em tự tin chinh phục tri thức và hòa nhập vào cộng đồng. Việc phát triển năng lực từ cho HS tiểu học không chỉ là nhiệm vụ của GV mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội. Tuy nhiên, trên thực tế, việc làm này đang phải đối mặt với không ít thách thức. Đó

là sự thiếu hụt về biện pháp và tài liệu dạy học phù hợp, quá tải về kiến thức trong chương trình, hạn chế về thời gian dành cho hoạt động thực hành, tương tác. Bên cạnh đó, sự phát triển của công nghệ thông tin cũng đặt ra những yêu cầu mới về năng lực từ ngữ của HS, đòi hỏi các em phải có khả năng tiếp nhận, xử lý và sử dụng thông tin một cách hiệu quả. Trong quá trình dạy học, chúng tôi nhận thấy rằng nhiều HS tiểu học còn gặp khó khăn trong việc hiểu và sử dụng từ ngữ, phát triển năng lực từ cho HS là một vấn đề cần được quan tâm đặc biệt.

2. NỘI DUNG

2.1. Tổng quan nghiên cứu mở rộng vốn từ cho học sinh tiểu học

MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC MỞ RỘNG VỐN TỪ CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

Nguyễn Thị Hiền¹, Nguyễn Thị Dung²

¹Hội đồng Trường, ²Khoa GDTH&MN

¹Email: hiennt@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 15/3/2025

Ngày PB đánh giá: 26/3/2025

Ngày duyệt đăng: 26/3/2025

Tóm tắt: Phát triển năng lực từ ngữ cho học sinh (HS) tiểu học là một yếu tố quan trọng cho sự phát triển toàn diện của các em. Bài viết đã chỉ ra thực trạng của việc dạy và học từ ngữ hiện nay còn nhiều vấn đề, biện pháp chưa thực sự hiệu quả, thiếu tính hệ thống và nguồn lực còn hạn chế. Để giải quyết vấn đề này, bài báo đã đề xuất nhiều biện pháp cụ thể. Đầu tiên là nhận thức từ và giải nghĩa bằng trực quan, giúp HS dễ dàng tiếp thu nghĩa từ thông qua hình ảnh, vật thật. Tiếp theo là nhận thức, giải nghĩa và vận dụng từ vào ngữ cảnh thực tiễn, giúp các em hiểu rõ cách sử dụng từ trong các tình huống giao tiếp. Bài báo cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc dạy học khám phá từ theo tình huống, tạo cơ hội cho HS chủ động tìm tòi, khám phá kiến thức. Tương tác giữa giáo viên (GV) và HS cũng được coi là một yếu tố quan trọng để phát triển năng lực từ ngữ. Cuối cùng, việc sử dụng trò chơi học tập được đề cập đến như một biện pháp hiệu quả tạo hứng thú học tập cho HS. Cần có sự đổi mới về biện pháp, đa dạng hóa tài liệu và tăng cường năng lực cho GV để đạt được hiệu quả cao nhất. Bài viết này sẽ trình bày một số biện pháp đã được nghiên cứu và áp dụng giúp HS nâng cao năng lực từ ngữ, từ đó cải thiện chất lượng học tập và giao tiếp.

Từ khóa: Biện pháp, năng lực, mở rộng vốn từ, học sinh tiểu học.

SOME METHODS TO DEVELOP VOCABULARY EXPANSION ABILITY FOR PRIMARY SCHOOL STUDENTS

Abstract: Developing vocabulary for primary school pupils is an important part in their overall development. The study indicates that the current state of vocabulary teaching and learning still has problems, ineffective approaches, a lack of systematic approaches, and inadequate resources. To address the issue, the author